

Số: 71/2019/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 06 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N. Địa chỉ: phường M, huyện T, Thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

+ Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phan Thị Hồng T - Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch V thuộc Ngân hàng N. (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019).

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Trúc P và ông Nguyễn Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có một con chung là Nguyễn Lê Đức H, sinh ngày 10/05/2000. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Trúc P và ông Nguyễn Ngọc H đều thống nhất không tranh chấp tài sản chung trong vụ án này, nếu có tranh chấp, ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Trúc P và ông Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 25/02/2019 là 679.918.385 (Sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng. Cụ thể:

+ Theo hợp đồng tín dụng số 15.09.06.4009/HĐTD ngày 22 tháng 09 năm 2015 là 324.339.218 (Ba trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi chín nghìn hai trăm mười tám) đồng, gồm nợ gốc 292.700.000 (Hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm) đồng, lãi trong hạn 29.632.700 (Hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm) đồng, lãi quá hạn 2.006.518 (Hai triệu không trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười tám) đồng.

+ Theo hợp đồng tín dụng số 16.09.06.4029/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2016 là 355.579.167 (Ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng, gồm nợ gốc 325.000.000 (Ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, lãi trong hạn 29.441.667 (Hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 1.137.500 (Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày 26/02/2019, số tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh trên nợ gốc cho đến ngày bà Lê Thị Trúc P và ông Nguyễn Ngọc H thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi số tiền nợ được trả xong.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Lê Thị Trúc P và ông Nguyễn Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký số 15.09.06.4009/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký số 16.09.06.4029/HĐTC ngày 03 tháng 8 năm 2016 để thu hồi nợ.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã được giảm 50% là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà P tự nguyện chịu.

+ Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã được giảm 50% là 15.598.368 đồng.

Bà Lê Thị Trúc P phải chịu là 7.799.184 (làm tròn là 7.799.000) đồng. Tổng cộng án phí bà P phải chịu là 7.949.000 (Bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017205 ngày 13/6/2018, số tiền còn lại bà P tiếp tục nộp là 7.649.000 (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu số tiền án phí là 7.799.184 (làm tròn là 7.799.000) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.750.000 (ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019654 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông H số tiền chênh lệch là 30.951.000 (Ba mươi triệu chín trăm năm mươi một nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 14.779.000 (Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019544 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

- Chi phí thu thập chứng cứ: 1.876.000 (một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng ông Nguyễn Ngọc H nhận chịu, số tiền này ông H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường A, TPBT;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi